**TUẦN 34: THIÊN NHIÊN QUANH EM**

**QUÀ TẶNG**

1. MỤC TIÊU:

Sau bài học, HS:

* Đọc đúng và rõ ràng bài Quà tặng.
* Biết cách chào hỏi và từ chối lịch sự, nhận biết được lời của nhân vật, trả lời được câu hỏi về chi tiết trong bài đọc, MRVT về hoạt động dời chỗ, đối đáp được về lợi ích của con vật.
* Viết ( chính tả nghe – viết ) đúng đoạn văn, điền đúng g/ gh, oai/ oay vào chỗ trống.
* Thể hiện được cách cư xử văn minh, lịch sự trong giao tiếp.

1. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:

* Tranh minh họa dùng cho hoạt động Nói và Nghe trong SGK tr19.
* Bảng phụ.

1. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| 1. Khởi động  * GV yêu cầu HS quan sát tranh minh họa bài đọc trong SGK, trả lời câu hỏi của GV: Trong bức tranh, bạn nhỏ đang nói chuyện với con vật nào? * GV: Mỗi con vật ấy đã đề nghị tặng bạn nhỏ một món quà. Chúng ta cùng đọc bài Quà tặng để biết đó là những món quà gì và bạn nhỏ nhận món quà gì. GV ghi tên bài lên bảng: Quà tặng.  1. Hoạt động chính   Đọc thành tiếng  MT: Đọc đúng và rõ ràng bài Quà tặng.  - GV đọc mẫu toàn bài .Giọng đọc nhẹ nhàng, vui tươi.  - GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ:  MB: lên tiếng, lấy, trả lời.  MN: gặp, con cua, ít bùn.  - GV theo dõi HS đọc, kết hợp cho HS luyện đọc câu dài.  Xin chào anh bạn. // Bạn có muốn/ tớ tặng bạn ít cỏ không?//- Một con bò lên tiếng.//   * GV linh hoạt lựa chọn hình thức đọc: đọc cá nhân, đọc nối tiếp, đọc tiếp sức. | * HS quan sát tranh minh họa và trả lời câu hỏi của GV.   *-* HS đọc nhẩm bài đọc.  - HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo.  - HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có).  - HS đọc tiếp nối từng câu văn trong mỗi đoạn (theo hàng dọc hoặc hàng ngang, theo tổ hoặc nhóm).  - HS đọc tiếp nối từng đoạn trong bài trước lớp, mỗi HS đọc một đoạn.  - HS đọc từng đoạn trong nhóm, 4 HS một nhóm, mỗi HS đọc một đoạn tiếp nối nhau đến hết bài.  - HS thi đọc giữa các nhóm (đọc từng đoạn đọc cả bài).  - HS đọc cả bài. |

**TIẾT 2: ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập**  - Đóng vai các con vật , nói tiếp câu:  + *Con cua: Bạn có muốn tớ tặng bạn ít bùn không?*  *+ Con bò: Bạn có muốn tớ tặng bạn ít cỏ không?*  *+ Con ong: Bạn có muốn tớ tặng bạn ít mật không?*   * Mình đồng ý nhận món quà gì? * Những từ nào chỉ hoạt động dời chỗ?   **2. Nói và nghe**  - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm đôi: Đối đáp về lợi ích của các con vật.  GV tổ chức trò chơi: Thi đối đáp về lợi ích các con vật. Nhóm nào không kể được tên con vật hoặc không nói được lợi ích của nó thì không được tính điểm.   * GV tổng kết, tuyên dương nhóm thắng cuộc.   **4. CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ**  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.  - GV: Em hãy giải câu đố sau:  Con gì thích các loài hoa  Ở đâu hoa nở dù xa cũng tìm  Cùng nhau cần mẫn ngày đêm  Làm ra mật ngọt lặng im tặng người?  ( Đáp án: Con ong) | - HS thảo luận nhóm, nêu yêu cầu của bài, đọc kĩ những từ được cho trước để trả lời câu hỏi.  - 4 - 5 HS đại diện nhóm trả lời câu hỏi trước lớp.  - HS hoạt động theo nhóm, đọc thầm bài đọc để trả lời câu hỏi.  - 2 - 3 HS trả lời trước lớp: Mình đồng ý nhận mật ong.  - HS thảo luận theo nhóm, đọc kĩ những từ được cho trước ( chạy, nói, bò, bay ) để chọn từ ngữ trả lời câu hỏi.  - 2-3 HS đại diện nhóm trả lời câu hỏi trước lớp: chạy, bò, bay.  - Nhận xét.  - 2 HS thực hành theo mẫu, luân phiên đối đáp: 1 HS nêu tên con vật, 1 HS nêu lợi ích. Ví dụ:  HS1: con ong – HS2: Làm mật  - HS hoạt động theo cặp, hỏi – đáp dựa theo tranh hướng dẫn trong SGK:  Con chó – giữ nhà  Con trâu – cày ruộng  Con ngựa – thồ ( chở ) hàng  Con tằm – nhả tơ  .........  - HS hỏi – đáp ngoài sách giáo khoa:  Con chim – hót hay  Con vịt/ con gà/ con ngan/ con lợn/ con cá – cho thịt  Con mèo – bắt chuột  Con cừu – cho lông  Con gà trống – báo thức  .....  - HS chơi trò chơi.   * HS lắng nghe * HS lắng nghe. * HS giải câu đố. |

**TIẾT 3: VIẾT (CHÍNH TẢ)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Nghe - viết**  *MT: Viết (chính tả nghe - viết) đúng đoạn văn*  - GV đọc to một lần đoạn văn trong bài Quà tặng:  *- Xin chào anh bạn. Bạn có muốn tớ tặng bạn ít mật không? – Một con ong lên tiếng.*  *- Ồ, có, có, xin hãy tặng tớ một ít mật. – Minh trả lời.*  - GV nhận xét, sửa lỗi cho HS.  - GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.  - GV đọc chậm cho HS soát bài.  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có)  **2. Chọn g hay gh?**  *MT: Điền đúng ng ngh vào chỗ trống.*  - GV treo bảng phụ ND bài tập.  - Nhận xét, đánh giá  *Đáp án: gọng kính ghế đá*  **3. Chọn oai hay oay?**  *MT: Điền đúng oai, oay vào chỗ trống.*  - GV treo bảng phụ ND bài tập.  - Nhận xét, đánh giá  *Đáp án:*  *Cún ngoáy đuôi mừng rỡ.*  *Bé ngoái lại chào mẹ.*  **4. Củng cố**  - Nhận xét tiết học. | - HS luyện viết chữ dễ viết sai chính tả: lên tiếng, xin chào.  - HS nghe – viết vào vở Chính tả.  - HS viết xong, đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).  -HS đọc thầm yêu cầu BT trong SGK.  - 1 số HS lên bảng làm bài trên bảng. Cả lớp làm bài vào VBT.  - HS trình bày bài của mình trước lớp.  - HS đổi vở nhận xét, đánh giá bài của bạn.  - HS nêu yêu cầu BT trong SGK.  - 2HS lên bảng làm bài trên bảng. HS làm bài vào VBT.  - HS trình bày bài của mình trước lớp.  - HS đổi vở nhận xét, đánh giá bài của bạn. |

**THUYỀN LÁ**

1. MỤC TIÊU:

Sau bài học, HS:

* Đọc đúng và rõ ràng bài thuyền lá.
* Hiểu được bài thơ viết về những người bạn tốt, sẵn sàng giúp đỡ nhau; MRVT chỉ tên con vật có vần âu; tìm được chi tiết chỉ hành động của nhân vật; đặt và trả lời câu hỏi về cảm xúc của nhân vật; viết được câu trả lời cho biết em đã làm gì giúp bạn.
* Tô được chữ X, Y hoa.
* Thêm yêu quý bạn bè, sẵn lòng giúp đỡ bạn.

1. ĐỒ DÙNG DẠY – HOC:

* Tranh minh họa đúng cho các hoạt động trong SHK tr152.
* Một số tranh con vật có tên chữa vần âu: sâu, sáo sậu, trâu, hải âu, diều hâu, cá sấu, châu chấu, vịt bầu ( nếu có ).

Video clip bài hát: Lá thuyền ước mơ.

* Bảng phụ/ slide viết sẵn: X, Y hoa đặt trong khung chữ mẫu: Xuân Mai, Phú Yên ( Theo chữ mẫu trong vở TV1/2)

1. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

TIẾT 1: ĐỌC THÀNH TIẾNG

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.KHỞI ĐỘNG**  *- GV hỏi: Ba bạn chích bông, ếch ộp và châu chấu đang làm gì?*  *-GV: Để biết ba bạn châu chấu, ếch ộp và chích bông đi đâu, bằng cách nào, chúng ta cùng đọc bài thơ Thuyền lá.*  *GV ghi tên bài lên bảng: Thuyền lá*  **2.HOẠT ĐỘNG CHÍNH**  **Đọc thành tiếng**  - GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. GV chú ý: Giọng đọc khổ thơ thứ nhất thể hiện sự băn khoăn, lo lắng, giọng đọc khổ thơ thứ hai chậm rãi; giọng đọc khổ thơ thứ ba thể hiện sự hồi hộp, phấn khởi..  - GV chọn ghi 2 - 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ: *+ MB: biết làm sao, chiếc lá, làm thuyền, chao lật.*  *+MN: bên kia, bây giờ, ngắt, thả xuống, kẻo.*  - GV hướng dẫn HS cách ngắt nhịp trong câu thơ, ngắt cuối dòng thơ năm chữ:  “ Ộp ộp..../ cậu ngồi yên//  Kẻo thuyền / chao lật đấy!”//  ếch vừa bơi/ vừa đẩy //  Đưa bạn vào hội vui.//  - Nhận xét, đánh giá | *- HS cả lớp trả lời câu hỏi.*  *( Châu chấu ngồi trên chiếc lá, chích bông bay lượn trên bầu trời, ếch bơi và đẩy chiếc lá ).*  - HS đọc nhẩm bài thơ.  - HS nghe .  - HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có).  - HS đọc các từ mới: quá đỗi ( ý nói ao rất sâu ), ngẩn ngơ ( cảm thấy buồn, tiếc ).  - HS đọc tiếp nối từng câu thơ (theo hàng dọc hoặc hàng ngang, theo tô hoặc nhóm), mỗi HS đọc một câu.  - HS đọc tiếp nối từng khổ thơ trước lớp, mỗi HS đọc một khổ.  - HS đọc từng khổ thơ trong nhóm (nhóm đôi hoặc nhóm 4 HS). Lưu ý: HS đọc đầu tiên đọc cả tên bài Trong giấc mơ buổi sáng.  - HS đọc cả bài.  - HS thi đọc toàn bài dưới hình thức thi cá nhân hoặc thi theo nhóm, theo tổ hoặc trò chơi Đọc tiếp sức.  - Nhận xét |

**TIẾT 2: ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Trả lời câu hỏi/ Thực hiện BT**  *MT: trả lời được các câu hỏi trong bài.*  - Thi tìm tên con vật có tiếng chứa vần âu.  GV tổ chức trò chơi: Thi tìm thử.  Cách chơi: Giáo viên chia nhóm. Nhóm nào tìm nhanh được 5 từ chỉ tên con vật có tiếng chứa vần âu là thắng cuộc.  *- Chích bông và ếch ộp đã làm gì giúp đỡ bạn?*  *GV gợi ý:*  *+ Châu chấu muốn đi đâu?( đi dự hội)*  *+ Vì sao châu chấu không đi được? ( vì ao sâu quá đỗi )*  *-> Chích bông và ếch ộp đã làm gì giúp đỡ bạn châu chấu?*  **2. Nói và nghe.**  - GV tổ chức cho HS đóng vai mỗi bạn để nói lí do vì sao mình vui.   * GV hỏi: Vì sao cả ba bạn đều sẽ vui? * GV: Tình bạn của ba bạn thật là đẹp vì các bạn biết quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau. * GV tổng kết, tuyên dương.  1. **Viết: Viết một câu cho biết em đã làm gì giúp bạn.**   **-** GV treo bảng phụ/ slide câu mẫu: “ Em cho bạn mượn bút”  - GV: Em cần viết hoa chữ cái đầu câu và cuối câu phải dùng dấu chấm.  - GV gọi HS nhận xét câu của 2 HS viết trên bảng lớp. GV hướng dẫn HS sửa lỗi nếu có.  **4. CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ**  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.  - GV cho HS nghe hát bài : Lá thuyền ước mơ. | * HS tìm nhanh trong SGK hoặc có thể làm BT1 trong VBT 1/2 ( bồ câu, gấu, hải cẩu); đồng thời tìm thêm ngoài SGK ( sâu, sáo sậu, trâu, hải âu, diều hâu, cá sấu, châu chấu, vịt bầu ). * HS thảo luận nhóm, đọc thầm khổ 2 và 3 để trả lời câu hỏi. * 3-4 HS trả lời trước lớp.   + Chích bông ngắt một chiếc lá, thả xuống ao làm thuyền.  + Ếch ộp vừa bơi vừa đẩy, đưa bạn vào hội vui.  - Nhận xét.   * HS đọc yêu cầu của HĐ nói và nghe.   + Chích bông: Mình rất vui vì đã giúp đỡ được châu chấu, vì được đi hội với các bạn.  + Ếch ộp: Mình rất vui vì đã giúp đỡ được châu chấu, vì được đi hội với các bạn.  + Châu chấu: Mình rất vui vì được chích bông và ếch ộp giúp; vì được đi hội với các bạn.   * 2-3 HS đại diện nhóm trả lời câu hỏi.      * HS phân tích câu mẫu. * 2 HS viết trên bảng lớp. * Từng HS viết vào VBT1/2 hoặc phiếu bài tập. * HS nhận xét bài trên bảng, bổ sung ý kiến. * HS hoạt động theo cặp, đổi bài cho nhau để soát và sửa lỗi. * 3-4 HS đọc câu văn vừa viết trước lớp. * HS nghe hát bài Lá thuyền ước mơ kèm động tác vận động cơ thể ( múa) |

**TIẾT 3: VIẾT (TẬP VIẾT)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Giới thiệu bài**  - GV nói: Hôm nay, chúng ta cùng học tô chữ X, Y hoa.  **2. Hướng dẫn tô chữ X, Y hoa và từ ngữ ứng dụng**  *- MT:* *Tô được chữ X, Y hoa.*  - GV cho HS quan sát mẫu chữ X, Y hoa cỡ vừa.  - GV mô tả:  + Chữ X hoa gồm 1 nét viết liền, kết hợp của 3 nét: nét móc hai đầu trái, thẳng xiên ( lượn hai đầu ) và móc hai đầu phải.  + Chữ y hoa gồm 2 nét: nét móc 2 đầu và nét khuyết dưới.  - GV nêu quy trình tổ chữ X, Y hoa cỡ vừa (vừa nói vừa dùng que chỉ, chỉ các nét chữ theo chiều mũi tên, không yêu cầu HS nhắc lại lời nói của mình).  - GV cho HS quan sát mẫu chữ X, Y hoa cỡ nhỏ.  - GV giải thích:  + Xuân Mai là tên một thị trấn thuộc huyện Chương Mĩ của thủ đô Hà Nội.  + Phú Yên là một tỉnh ven biển thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ của nước ta.  - GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao các chữ cái trong từ Xuân Mai, Phú Yên, cách đặt dấu thanh, cách nối nét các chữ cái,...  **3. Viết vào vở Tập viết**  **- MT:** *viết được chữ X hoa (cỡ vừa và nhỏ), Y hoa ( cỡ vừa và nhỏ), Xuân Mai, Phú Yên(cỡ nhỏ).*  - GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi tô, viết hoặc tô, viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS.  **4. Củng cố:**  - GV nhận xét tiết học. | - HS lắng nghe  - HS quan sát, HS nhận xét độ cao, độ rộng.  - HS dùng ngón trỏ tô lên không trung chữ X, Y hoa.  - HS nhận xét độ cao, độ rộng.  - HS đọc, quan sát từ ngữ ứng dụng: Xuân Mai, Phú Yên(trên bảng phụ).  - HS nhận xét độ cao các chữ cái trong từ Xuân Mai, Phú Yên, cách đặt dấu thanh, cách nối nét các chữ cái,...  - HS viết vào vở TV1/2, tr.28-27: X hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ), Y hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ), Xuân Mai, Phú Yên(chữ cỡ nhỏ). |

**TẤM BIỂN TRONG VƯỜN**

1. MỤC TIÊU:

Sau bài học, HS:

* Đọc đúng và rõ ràng bài Tấm biểm trong vườn.
* Biết được một ý tưởng hay để chăm sóc, bảo vệ chim chóc, tìm được chi tiết trong truyện, nhận xét được về đặc điểm nhân vật; MRVT về các loài chim; đặt và trả lời câu hỏi về một loài chim.
* Viết ( chính tả nghe – viết ) đúng đoạn văn, điền đúng ong/ oong, ch/tr ( hoặc ươc/ươt) vào chỗ chấm.
* Kể được câu chuyện ngắn Cô bé quàng khăn đỏ bằng 4 – 5 câu, hiểu được ý nghĩa câu chuyện khuyên HS nên nghe lời bố mẹ.
* Bước đầu hình thành được ý thức chăm sóc, bảo vệ môi trường.

1. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

* Bài hát Con chim non của nhạc sĩ Lý Trọng.
* Tranh ảnh minh họa dùng cho hoạt động Nói và Nghe trong SGK tr154, một số tranh/ ảnh ( sưu tầm ) về các loại chim mà HS có thể biết.
* Tranh ảnh minh họa câu chuyện Cô bé quàng khăn đỏ.

1. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

**TIẾT 1: ĐỌC THÀNH TIẾNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. KHỞI ĐỘNG**  - GV cho HS hát bài: Con chim non của nhạc sĩ Lý Trọng.  - Trong bài hát, tình cảm của bạn nhỏ dành cho chú chim thế nào?  - GV: Những chú chim hót ca đem niềm vui cho chúng ta. Hai bạn nhỏ trong bài đọc Tấm biểm trong vườn không chỉ yêu mến mà còn có một ý tưởng rất thú vị để chăm sóc, bảo vệ những chú chiim nữa đấy.  - GV ghi tên bài lên bảng: Tấm biểm trong vườn.  **2. HOẠT ĐỘNG CHÍNH**  **Đọc thành tiếng**  *- MT: Đọc đúng và rõ ràng bài Tấm biển trong vườn.*  - GV đọc mẫu toàn bài .  - GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng.  Ví dụ: + MB: Làm gì, vậy là, nào.  + MN: tấm biển, thức ăn thừa, kiếm được, ý tưởng.  - GV theo dõi HS đọc, kết hợp cho HS luyện đọc câu dài. Ví dụ:  + Còn các chú chim/ nhiều khi khiing kiếm được thức ăn. //  + Tấm biển/ sẽ nói với mọi người/ là hãy mang thức ăn thừa cho chim.//  - GV linh hoạt lựa chọn hình thức đọc: cá nhân đọc nối tiếp, đọc tiếp sức. | - HS cả lớp hát, trả lời câu hỏi của GV.  - HS đọc nhẩm bài đọc.  - HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo.  - HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có).  - HS đọc từ mới: tấm biển ( thông báo đặt ở nơi công cộng), ý tưởng ( suy nghĩ mới nảy ra trong đầu )  - HS cả lớp đọc tiếp nối từng câu văn trong mỗi đoạn (theo hàng dọc hoặc hàng ngang, theo tô hoặc nhóm).  - HS đọc tiếp nối từng đoạn trong bài trước lớp, mỗi HS đọc một đoạn.  - HS đọc từng đoạn trong nhóm, 3 HS một nhóm, mỗi HS đọc một đoạn tiếp nối nhau đến hết bài.  - HS thi đọc giữa các nhóm (đọc từng đoạn đọc cả bài).  - HS đọc cả bài. |

**TIẾT 2**

**ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập 1**  GV lần lượt nêu các câu hỏi:   * *Bình và Minh làm tấm biển để làm gì?* * *Theo em, Bình là người như thế nào?* * *Thi kể tên các loài chim.*   *+ GV tổ chức trò chơi: Thi kể nhanh.*   * Cả lớp và GV tổng kết, tuyên dương nhóm thắng cuộc.   **2.Nói và nghe : Đối đáp về một loài chim ( sử dụng các từ ngữ: Ở đâu? Lông màu gì? Ăn gì ? )**  *-MT: Đối đáp được về một loài chim và đặc điểm của chúng.*  - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm đôi.  - Cả lớp và GV tổng kết, tuyên dương nhóm thắng cuộc.  **3. CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ**  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực. | - HS thảo luận theo nhóm, đọc thầm bài đọc để trả lời câu hỏi.  - 2 HS trả lời trước lớp:  + Để nói với mọi người là hãy mang thức ăn thừa cho chim.  + Để nói với mọi người để thức ăn thừa cho chim ở đó.   * HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi. * 2HS trả lời trước lớp: Bình là người yêu động vật/ yêu những chú chim/ tiết kiệm/ sáng tạo/ thông minh. * HS cả lớp chia nhóm, chơi trò chơi, nhóm nào kể được nhiều loại chim nhiều hơn thì thắng cuộc.   - 2 HS thực hành theo mẫu, luân phiên đối đáp nhanh. 1 HS nêu đặc điểm của con vật, 1 HS nêu tên con vật. Nếu chưa đoán được thì có thể hỏi để có thêm thông tin. Sau đó, bạn đổi vai đố - đáp nhau. Ví dụ:  *HS1: Chim gì có bộ lông sặc sỡ?*  *HS2: Nó có cái mỏ cong phải không?*  HS1: Đúng  HS2: Con vẹt.  - Từng cặp HS đố - đáp trong nhóm sau đó từng cặp HS bất kì đố - đáp trước lớp.  - Các nhóm khác theo dõi, bổ sung ý kiến.  - HS cả lớp chia nhóm: Thi đối đáp về các con vật. Nhóm nào không kể tên được con vật hoặc không nói được đặc điểm của con vật thì không được tính điểm. . |

**TIẾT 3: VIẾT (CHÍNH TẢ)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Nghe – viết**  *- MT: Viết (chính tả nghe – viết) đúng đoạn văn.*  - GV đọc to một lần đoạn văn trong bài 1 SGK tr.155.  - GV nhận xét, sửa lỗi cho HS.  - GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.  - HS viết xong, GV đọc chậm cho HS soát bài.  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).  **2. Chọn ong hay oong?**  *– MT: Điền đúng ong hay oong.*  - GV treo bảng phụ ND bài tập.  - Nhận xét, đánh giá.  *- Đáp án: Nam có chiếc xe đạp mới. Màu sơn bóng loáng. Tiếng chuông kêu kính coong.*  **3. Chọn a hoặc b:**  *- MT: Điền đúng ch/ tr hoặc ươc/ ươt.*  - GV treo bảng phụ ND bài tập. ( chọn phần a hoặc b )  a) ch hay tr  Đáp án:  Chị mái chăm một đàn con  Chân bới, miệng gọi mắt tròn ngó trông.  b) ươc hay ươt  Đáp án: rượt đuổi, rước kiệu  - Nhận xét, đánh giá  **4. Củng cố**  - Nhận xét tiết học. | - HS luyện viết chữ dễ viết sai chính tả: tấm biển, mọi người.  - HS nghe – viết vào vở Chính tả.  - HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).  - HS đọc thầm yêu cầu BT trong SGK.  - HS lên bảng làm bài trên bảng. Dưới lớp làm vào VBT.  - HS trình bày bài của mình trước lớp.  - HS đổi vở kiểm tra chéo.  -HS đọc thầm yêu cầu BT trong SGK.  - HS lên bảng làm bài trên bảng. Cảlớp làm bài vào VBT.  - HS trình bày bài của mình trước lớp.  - HS đổi vở nhận xét, đánh giá bài của bạn. |

**TIẾT 4: NÓI VÀ NGHE (KẺ CHUYỆN)**

**Nghe-kể: Cô bé quàng khăn đỏ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động - Giới thiệu**  - GV hỏi: Vì sao cô bé được gọi là cô bé quàng khăn đỏ ( Vì cô bé quàng chiếc khăn màu đỏ )  - GV: Chúng ta sẽ gọi cô bé này là Khăn Đỏ. Cô bé là nhân vật chính trong câu chuyện mà chúng ta sẽ nghe sau đây.  **2. Nghe GV kể**  - GV kể 2 - 3 lần câu chuyện Cô bé quàng khăn đỏ.  - GV lưu ý về kĩ thuật kể chuyện: Lời dẫn chuyện giọng khoan thai ( đoạn 1, 2 ); giọng căng thẳng, gấp gáp ( đoạn 3 ); giọng chậm rãi ( đoạn 4 ). Phân biệt lời nhân vật: Khăn Đỏ ngây thơ, lời sói ngọt ngào, dụ dỗ ( đoạn 2 ), ồm ồm rồi hăm dọa ( đoạn 3 ).  **3. Kể từng đoạn truyện theo tranh**  - GV treo (hoặc chiếu) lên tranh 1, nêu câu hỏi: Mẹ giao cho Khăn Đỏ việc gì?  - GV treo (hoặc chiếu) lên tranh 2, hỏi: Khăn Đỏ bị sói lừa như thế nào?   - GV treo (hoặc chiếu) lên tranh 3, hỏi: Khi Khăn Đỏ tới nhà bà, chuyện gì xảy ra?  - GV treo (hoặc chiểu) lên tranh 4, hỏi: Câu chuyện kết thúc như thế nào?  Khăn Đỏ hiểu ra điều gì?  ***4*. Kể toàn bộ câu chuyện**  *- MT: Kể được câu chuyện ngắn Cô bé quàng khăn đỏ bằng 4 – 5 câu.*  **4.1. Kể tiếp nối câu chuyện trong nhóm 4**  - GV tổ chức cho HS kể tiếp nối câu chuyện trong nhóm 4.  **4.2. Kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm**  - GV lưu ý hướng dẫn để HS dùng thêm các từ để liên kết các câu. Ví dụ:  *+ Một hôm, mẹ bảo Khăn Đỏ mang bánh đến biếu bà và dặn không la cà dọc đường. Trên đường đi, Khăn Đỏ bị sói lừa vào rừng chơi. Sói chạy đến nhà bà trước, xuộc vào nuốt chửng bà. Khi Khăn Đỏ tới nhà bà, sói đóng giả bà nằm trên giường, rồi bất ngờ nuốt chửng Khăn Đỏ. Sau khi no bụng, sói lăn ra ngủ ngáy vang. Một bác thợ săn đi ngang qua nghe thấy, liền rạch bụng sói cứu hai bà cháu. Khăn Đỏ ân hận hiểu ra phải biết vâng lời mẹ. ( 7 câu )*  **4.3. Kể toàn bộ câu chuyện trước lớp**  - GV mời một số HS lên bảng vừa chỉ vào tranh vừa kể chuyện.  - GV có thể tổ chức thi kể chuyện giữa các nhóm.  **5. Mở rộng**  *- MT: Hiểu được phải biết nghe lời cha mẹ.*  - GV hỏi: *Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì?*  - GV chốt ý đúng, nêu ý nghĩa câu chuyện, nhắc nhở HS liên hệ bản thân.  **6. Tổng kết, đánh giá**  - GV tổng kết giờ học, tuyên dương ý thức học tập của các em học tốt, động viên cả lớp cùng cố gắng để kê được câu chuyện hay. | - HS xem bức tranh, trả lời câu hỏi của GV.  - HS nghe GV kể 2 - 3 lần câu chuyện.  - HS quan sát bức tranh 1.  - 2 - 3 HS trả lời câu hỏi.(Mẹ giao cho Khăn đỏ mang bánh biếu bà và dặn không la cà dọc đường)  - HS quan sát bức tranh 2.  - 2 - 3 HS trả lời câu hỏi. (Khăn Đỏ bị sói lừa vào rừng chơi. Sói chạy đến nhà bà trước, xộc vào nuốt chửng bà.)  - HS quan sát bức tranh 3.  - 2 - 3 HS trả lời câu hỏi. (Khi Khăn Đỏ tới nhà bà, sói đóng giả bà nằm trên giường, rồi bất ngờ nuốt chửng Khăn Đỏ.)  - HS quan sát bức tranh 4.  - 2 - 3 HS trả lời câu hỏi. ( Một bác thợ săn đi qua liền rạch bụng sói cứu hai bà cháu )  - 2 - 3 HS trả lời câu hỏi ( Khăn Đỏ hiểu ra rằng cần phải biết vâng lời mẹ.)  - HS tạo thành 1 nhóm, hoạt động trong nhóm: HS1 – Kểtranh 1; HS2 – Kể tranh 2, HS3 – Kể tranh 3, HS4 - Kể tranh .  - HS kể liền mạch nội dung của 4 tranh trước nhóm. Khi 1 bạn kể thì các bạn khác lắng nghe và góp ý.  - Một số HS lên bảng vừa chỉ vào tranh vừa kể chuyện.  - Các bạn trong lớp lắng nghe, quan sát và cổ vũ bạn.  - HS trao đổi nhóm đôi, nêu nhận xét của mình . ( Câu chuyện khuyên em phải biết nghe lời cha mẹ/ phải đi đến nơi về đến chốn/ không nên tin lời người lạ/ không nên la cà dọc đường, dễ gặp nguy hiểm, bị kẻ xấu lợi dụng...)  - HS trả lời. |

**ĐỌC MỞ RỘNG (2 tiết)**

1. **MỤC TIÊU**

Sau bài học, giúp HS**:**

- Đọc – hiểu được câu chuyện: Quả trứng của ai?

- Bước đầu hình thành được kĩ năng tự đọc sách.

- Trình bày được kết quả Đọc mở rộng.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Truyện tham khảo.

- Tranh minh hoạ.

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| \* **Hoạt động 1:** **Tìm kiếm nguồn Đọc mở rộng**  - GV giới thiệu nguồn sách tham khảo:  + Quả trứng của ai?  - GV yêu cầu HS đọc thầm  **\* Hoạt động 2: Trình bày kết quả Đọc mở rộng.**  *1. Chị gà mái đang dạo chơi trong vườn thì vấp phải quả gì?*  *2. Khi chị gà mái đang phân vân không biét làm thế nào để mang quả trứng về ổ thì ai chạy đến ?*  *3. Cuối cùng quả trứng đó có phải của chị gà mái hay cô vịt bầu? Vì sao?*   * Bài học có gì thú vị. ( Kết thúc câu chuyện bất ngờ, hóa ra trứng mà chị gà mái và cô vịt bầu tranh nhau lại là quả trứng rắn.) | - HS theo dõi.  - HS đọc thầm cá nhân.  - HS thảo luận trả lời.  *+ Quả trứng.*  + Cô vịt bầu.  + Không phải của chị gà mái hay cô gà trống. Vì đó là quả trứng rắn.   * HS trả lời theo nhận thức.   *.* |

**\* Củng cố, mở rộng – đánh giá:**

- GV hệ thống bài.

- HS thi đọc truyện Quả trứng của ai.

- GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.